- Phiếu nhân sự.

- Quyết định của Cục Hợp tác quốc tế về lao động về việc chuyển trả lao động về đơn vị cũ, về địa phương.

- Phiếu thu hồi hộ chiếu (photocopy).

3. Bộ Tài chính căn cứ vào quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội phê duyệt các dự án dạy nghề, đào tạo bồi dưỡng kiến thức kinh doanh, điều hành triển khai chương trình và căn cứ vào nguồn vốn nêu ở điểm b, c, tiết 3, mục I để cấp kinh phí cho các chủ dự án, chương trình triển khai thực hiện và quyết toán với Bộ Tài chính theo các chế độ hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ngành và địa phương tổ chức nắm lại số lao động từ Cộng hòa Liên bang Séc và Slôvakia (cũ) trở về có nhu cầu vay vốn, dạy nghề để lập danh sách, xây dựng kế hoạch và dự kiến nhu cầu, báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính để xây dựng kế hoạch, triển khai chương trình.

2. Trên cơ sở Thông tư hướng dẫn của liên Bộ, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội trực tiếp điều hành, triển khai chương trình theo đúng mục tiêu, đối tượng, hiệu quả; Bộ Tài chính chỉ đạo Cục kho bạc Nhà nước hướng dẫn nghiệp vụ quản lý và sử dụng nguồn vốn này trong toàn hệ thống.

3. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tổng hợp kết quả thực hiện chương trình báo cáo Chính phủ và liên ngành biết; đồng thời thường xuyên thông báo cho phía Cộng hòa Séc và Slôvakia.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HỒ TẾ

Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
ĐỖ QUỐC SAM

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 11-TC/TCT ngày 24-2-1993 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Thi hành Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau :

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm các chế độ quản lý, thu nộp thuế, lệ phí mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 phải bị xử phạt hành chính.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế :

a) Mọi tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tính thuế, thu thuế, nộp thuế hoặc các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước khác nếu thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Các đối tượng khác nếu thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thì bị xử lý theo quy định tại điều 5 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

3. Cơ quan thu thuế theo quy định tại Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 bao gồm cơ quan thuế các cấp và cơ quan hải quan (đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo điều 6 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989 và cần chú ý thêm một số điểm sau:

a) Hình thức phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền) được áp dụng độc lập hoặc có thể áp dụng thêm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

hình thức phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh).

Chỉ được áp dụng hình thức phạt bổ sung cùng với hình thức phạt chính khi điều luật có quy định hình thức phạt bổ sung.

b) Trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có nhiều vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trong một lần phát hiện, kiểm tra thì xử phạt về từng hành vi vi phạm sau đó tổng hợp hình phạt. Hình phạt tổng hợp không vượt quá mức cao nhất của mức phạt được pháp luật quy định đối với vi phạm nặng nhất đã vi phạm.

c) Tổ chức bị xử phạt phải thi hành quyết định xử phạt, sau đó xác định lỗi của từng người trực tiếp gây ra vi phạm hành chính đó để xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Các tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực thuế :

a) Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại.

b) Vi phạm trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt khó khăn.

c) Vi phạm do hạn chế trình độ.

6. Các tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực thuế :

a) Vi phạm có tổ chức.

b) Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

c) Vi phạm gây thiệt hại lớn về tài sản.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, dịch họa để vi phạm.

e) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt.

h) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che dấu vi phạm.

7. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế :

a) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

- Không xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế nếu đã quá 1 năm kể từ ngày vi phạm. Riêng đối với các hành vi man khai trốn thuế (quy định tại điều 2 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992) hoặc có sự nhầm lẫn trong việc tính thuế, xử phạt thuế thì thời hiệu xử phạt là 3 năm kể từ ngày vi phạm.

Nhầm lẫn về tính thuế, xử phạt thuế được hiểu là những trường hợp do vô ý hoặc do hạn chế trình độ dẫn tới việc áp dụng sai Luật thuế, Pháp lệnh thuế... (Áp dụng sai thuế suất, sai mặt hàng, sai đối tượng...).

- Trường hợp cá nhân vi phạm pháp luật đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt là 3 tháng kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án hình sự. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm cố tình trốn tránh, cản trở việc vi phạm hoặc lại vi phạm tiếp khi chưa hết thời hiệu xử phạt thì thời hiệu xử phạt được tính lại kể từ ngày chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt hoặc ngày thực hiện vi phạm mới.

Ngày chấm dứt hành vi trốn tránh cản trở việc xử phạt là ngày đương sự tự giác đến cơ quan thuế trình báo và nhận thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan thuế. Cơ quan thuế phải lập biên bản ghi nhận việc này.

b) Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có dấu hiệu của tội phạm và cơ quan thuế đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

c) Người thực hiện hành vi vi phạm chưa đủ tuổi để chịu trách nhiệm hành chính theo quy định tại điều 29 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30 tháng 11 năm 1989.

d) Vi phạm hành chính trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hành chính. Đó là trường hợp một người thực hiện vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình.

II. NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Căn cứ quy định tại điều 1, 2, 3, 4 chương I Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ, những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hình thức và mức phạt cụ thể như sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. Hành vi vi phạm về thủ tục kê khai, đăng ký lập sổ sách kế toán và giữ chứng từ hóa đơn liên quan đến việc tính thuế, thu thuế, nộp thuế.

1.1. Phạt cảnh cáo với vi phạm lần đầu; Nếu vi phạm lần hai thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với những hành vi sau:

a) Kê khai đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế quá thời hạn quy định:

- Quá 5 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh, sáp nhập, phân chia, giải thể hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh, thay đổi mặt hàng kinh doanh.

Ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh, sáp nhập, phân chia, giải thể hoặc thay đổi kinh doanh là ngày cơ sở kinh doanh công bố chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc là ngày đầu tiên cơ sở thực tế có các hoạt động trên.

- Riêng đối với thuế đất thời hạn là 1 tháng kể từ khi có sự thay đổi về quyền sử dụng đất, về diện tích đất hoặc sử dụng đất để làm nhà ở, xây dựng công trình. Ngày được coi là có sự thay đổi là ngày lập hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất hoặc là ngày cơ quan có thẩm quyền ký quyết định cho sử dụng đất làm nhà ở, xây dựng công trình.

b) Khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp thuế hay trong các tài liệu kế toán cung cấp cho cơ quan thu thuế.

1.2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; Nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Thực hiện không đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng theo quy định của Nhà nước, cụ thể:

- Sử dụng các loại hóa đơn bán hàng và phiếu xuất kho vận chuyển nội bộ không phải do Bộ Tài chính phát hành.

- Ghi không đầy đủ các yếu tố theo quy định của từng mẫu hóa đơn khi xuất hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

1.3. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 400.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; Nếu vi phạm lần 2 phạt từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Không xuất trình sổ sách kế toán, chứng từ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế.

b) Không nộp tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán cho cơ quan thu thuế trong thời hạn quy định.

Thời hạn để các cơ sở kinh doanh, cá nhân thuộc diện phải kê khai như sau:

b.1. Tờ khai nộp thuế.

b.1.1. Đối với thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt:

5 ngày đầu tháng sau, kể cả trường hợp không có doanh thu hoặc không phát sinh thuế tiêu thụ đặc biệt.

b.1.2. Đối với thuế lợi tức:

10 ngày đầu tháng sau.

b.1.3. Đối với thuế thu nhập:

+ Đối với thu nhập thường xuyên: 10 ngày đầu tháng 1 năm dương lịch hoặc 10 ngày đầu tháng đầu tiên đối với cá nhân có thu nhập chịu thuế. Cuối năm chậm nhất không quá ngày 31 tháng 12 phải làm bảng kê khai số tiền công, tiền lương thực nhận trong năm nộp cho cơ quan thuế để thanh quyết toán thuế thu nhập trong năm.

Tổ chức, cá nhân được ủy quyền thu thuế thu nhập hàng năm không quá ngày 31 tháng 1 phải nộp bảng kê danh sách người nộp thuế cho cơ quan thuế. Trường hợp trong năm có sự thay đổi về số người nộp thuế và thu nhập chịu thuế phải làm bảng kê bổ sung kịp thời ngay trong tháng có sự thay đổi. Cuối năm không quá ngày 28 tháng 2 năm sau hoặc 30 ngày sau khi hết hạn hợp đồng phải nộp bảng thanh quyết toán thu nhập trong năm cho cơ quan thuế.

+ Đối với thu nhập không thường xuyên: 5 ngày kể từ ngày phát sinh thu nhập.

b.1.4. Đối với thuế tài nguyên:

5 ngày đầu tháng sau và 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm (hoặc kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ hoặc hợp đồng khai thác tài nguyên).

b.1.5. Đối với chế độ thu về sử dụng vốn ngân sách Nhà nước: Ngày 20 hàng tháng.

Trường hợp cơ sở có khó khăn không kê khai được hàng tháng phải báo cáo với Cục thuế địa phương để xem xét và quy định cho tạm nộp hàng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tháng và kê khai hàng quý. Trong trường hợp này tờ khai nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách được gửi kèm với báo cáo kế toán quý cho cơ quan thuế.

b.1.6. Đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Hai ngày kể từ ngày lý do miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu bị thay đổi theo quy định tại điều 15 Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc quy định chi tiết việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và mục II Thông tư số 8-TC/TCT ngày 31-3-1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992.

b.1.7. Đối với thuế đất: Ngày 31 tháng 1 hàng năm.

b.1.8. Đối với lệ phí trước bạ: 30 ngày kể từ ngày làm giấy tờ chuyển dịch tài sản.

b.2. Báo cáo kế toán:

+ Đối với các đơn vị kế toán cấp chủ quản Trung ương và địa phương:

- 40 ngày sau khi kết thúc quý báo cáo đối với báo cáo quý.

- 60 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo đối với báo cáo năm.

+ Đối với các đơn vị kế toán cấp cơ sở, các đơn vị kế toán cấp trung gian:

- 30 ngày sau khi kết thúc quý báo cáo đối với báo cáo quý.

- 45 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo đối với báo cáo năm.

Tổ chức, cá nhân vi phạm điểm b.1.6 (đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) hoặc điểm b.1.8 (đối với lệ phí trước bạ) thì ngoài việc bị xử phạt theo điểm này còn phải nộp mỗi ngày 0,5% số tiền thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; 1% số lệ phí trước bạ phải nộp kể từ ngày quá hạn.

1.4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng đối với vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 thì phạt từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng phạt đến 1.500.000 đồng đối với hành vi sau:

- Vận chuyển hàng hóa không kèm theo các hồ sơ về thuế quy định cho từng đối tượng kinh doanh (sổ mua hàng, chứng từ giấy tờ hợp lệ khác).

1.5. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng nếu vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 phạt tiền từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.500.000 đồng đối với hành vi quy định sau:

- Cố ý không nộp các tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán và các giấy tờ khác cho cơ quan thu thuế theo quy định của pháp luật.

- Hành vi cố ý không nộp là sau khi hết hạn quy định nộp các tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán... cơ quan thu thuế gửi giấy báo yêu cầu nộp đến lần thứ hai mà vẫn không nộp.

- Sau 5 ngày kể từ ngày hết hạn nộp các loại giấy tờ trên, cơ quan thu thuế gửi giấy báo lần thứ nhất (theo mẫu đính kèm) yêu cầu nộp những tài liệu trên. Quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo lần thứ nhất nếu cơ sở vẫn không nộp, cơ quan thuế gửi giấy báo lần thứ 2. Nếu sau 10 ngày cơ sở vẫn không nộp, cơ quan thuế tiến hành các thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

1.6. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 2.000.000 đồng đối với hành vi sau:

- Hủy bỏ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán khi chưa hết hạn bảo quản và lưu giữ theo quy định của Nhà nước, cụ thể là :

+ Hủy bỏ chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán liên quan đến việc tính thuế, thu thuế khi chưa hết thời hạn bảo quản và lưu giữ theo quy định.

+ Làm hư hỏng chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán liên quan đến việc tính thuế, thu thuế đến mức không phục chế lại được (không đọc được, không sao chụp được).

2. Hành vi khai man trốn thuế :

2.1. Phạt bằng số tiền thuế trốn lậu, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm) thì bị phạt đến 2 lần số tiền thuế trốn lậu đối với các hành vi sau :

2.1.1. Kê khai sai căn cứ tính thuế theo quy định của từng sắc thuế.

2.1.2. Lập sổ sách kế toán, hóa đơn bán hàng sai với thực tế sản xuất kinh doanh.

2.1.3. Để ngoài sổ sách số liệu kế toán hoặc hạch toán không đúng tài khoản, tiểu khoản quy định làm cho việc xác định căn cứ tính thuế sai lệch với thực tế.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2.1.4. Xin tạm nghỉ kinh doanh để được giảm, miễn thuế nhưng thực tế vẫn kinh doanh.

Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm các điểm 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3, mục 2.1 Thông tư này, nếu bị phát hiện trước thời điểm đối tượng vi phạm phải quyết toán thuế hoặc phải nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật thì không xử phạt theo điểm này mà chuyển sang áp dụng các mức phạt quy định tại khoản 2, điều 1 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992.

2.2. Phạt tiền 2 lần số tiền thuế trốn lậu, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm) thì bị phạt đến 3 lần số thuế trốn lậu đối với hành vi sau:

2.2.1. Hàng hóa vận chuyển không có đầy đủ hồ sơ chứng minh hàng đã nộp thuế hoặc đã được cơ quan thuế quản lý theo quy định cho từng đối tượng kinh doanh.

- Hành vi này được xác định là man khai trốn thuế trong trường hợp người vận chuyển hàng hóa sau thời hạn 10 ngày (kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế) không xuất trình được với cơ quan thu thuế đầy đủ hồ sơ hợp lệ chứng minh được lô hàng đã nộp thuế (đối với hàng hóa mua, bán, trao đổi) hoặc đã được cơ quan thu thuế quản lý (đối với hàng hóa chuyển kho trong cùng một đơn vị).

- Trường hợp người vận chuyển hàng hóa đã trình đầy đủ hồ sơ hợp lệ trong hạn 10 ngày thì cơ quan có thẩm quyền xử phạt chỉ có thể ra quyết định xử phạt theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 1 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992. Nếu cơ quan kiểm tra nghi vấn về tính không hợp lệ của hồ sơ hàng hóa, nhưng chưa đủ căn cứ để kết luận là man khai trốn thuế thì vẫn phải quyết định xử lý theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 1 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 nhưng được quyền áp dụng các biện pháp sau:

+ Lưu lại bản sao của hồ sơ hàng hóa vận chuyển để tiếp tục điều tra xác minh. Bản sao hồ sơ hàng hóa vận chuyển phải có xác nhận và chữ ký của chủ hàng hoặc công chứng (nếu có).

+ Sử dụng giấy chứng nhận thu hồi biên lai, hóa đơn theo quy định tại văn bản số 1093-TC/TCT/AC ngày 20-6-1992. Nếu sau khi điều tra mà xác định được người vận chuyển hàng trốn lậu thuế thì cơ quan thu thuế có thẩm quyền ra quyết định truy thu đủ số tiền thuế còn thiếu và xử phạt theo quy định của pháp luật.

2.2.2. Kinh doanh không kê khai, đăng ký với cơ quan thuế.

2.2.3. Giả mạo hóa đơn bán hàng, chứng từ thu tiền, biên lai thuế, giấy trích chuyển vận hàng hóa và các chứng từ khác liên quan đến việc tính thuế.

2.3. Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu, nếu vi phạm các điểm quy định tại mục 2.1; 2.2 Thông tư này thì tùy từng trường hợp bị phạt tiền từ 2 lần đến 5 lần số thuế trốn lậu.

2.4. Cá nhân, tổ chức vi phạm một trong các điểm quy định tại mục 2.1; 2.2 Thông tư này, nếu có nhiều tình tiết tăng nặng (từ 2 tình tiết trở lên trừ trường hợp đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn lậu thuế mà còn vi phạm) có thể bị tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh.

2.5. Trường hợp trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm thì cơ quan thu thuế chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều 169 (tội trốn thuế) Bộ Luật Hình sự.

3. Hành vi vi phạm chế độ thu nộp tiền thuế, tiền phạt.

3.1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 800.000 đồng đối với hành vi sau:

Không nhận thông báo thu thuế, lệnh thu thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong trường hợp cơ quan thuế trực tiếp giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm (hoặc các đối tượng nộp thuế).

Khi cán bộ thu thuế trực tiếp giao thông báo thu thuế, lệnh thu thuế hoặc quyết định xử phạt về thuế cho đối tượng nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm đến lần thứ 2 mà đương sự vẫn không nhận thì cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân xã, phường...) tiến hành giao thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế, quyết định xử phạt lần thứ 3. Nếu đương sự vẫn không

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nhận, cán bộ thuế lập biên bản vi phạm hành chính, ghi rõ lý do để làm căn cứ xử phạt.

3.2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt tiền từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với các hành vi sau:

a) Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo nộp thuế hoặc ghi trong quyết định xử lý vi phạm về thuế của cơ quan thuế.

Những cán bộ thuế, cán bộ được ủy nhiệm thu, cán bộ ngân hàng do thiếu tinh thần trách nhiệm mà nộp tiền thuế vào kho bạc chậm cũng bị phạt nộp chậm theo quy định này.

Khi các doanh nghiệp nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng, nếu tài khoản của các doanh nghiệp này mở tại ngân hàng có số dư đủ để nộp thuế mà cơ quan ngân hàng chậm trích chuyển tiền nộp thuế từ tài khoản của doanh nghiệp vào tài khoản kho bạc thì cơ quan ngân hàng cũng bị phạt nộp chậm theo quy định này.

b) Dây dưa nộp thuế, nộp phạt.

Coi là dây dưa nộp thuế, nộp phạt là những trường hợp chậm nộp thuế, nộp phạt quá thời hạn quy định trên thông báo nộp thuế, quyết định xử phạt trên 30 ngày.

3.3. Cá nhân, tổ chức vi phạm những quy định tại mục 3.2 phần II Thông tư này thì ngoài việc xử phạt theo quy định tại mục 3.2 phần II Thông tư này còn bị phạt mỗi ngày 0,5% số tiền chậm nộp.

3.4. Cá nhân, tổ chức vi phạm điểm b mục 3.2 phần II Thông tư này nếu có nhiều tình tiết tăng nặng (từ 2 tình tiết trở lên) có thể bị tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh.

4. Hành vi vi phạm chế độ kiểm tra hàng hóa, niêm phong hàng hóa.

4.1. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng nếu vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt đến 800.000 đồng đối với hành vi sau:

Không cho cơ quan thuế kiểm tra hàng hóa đang trên đường vận chuyển, kiểm tra kho hàng hóa, nguyên liệu tại nơi sản xuất kinh doanh.

4.2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng nếu vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 400.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Tự ý phá niêm phong kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc, nhà xưởng trong thời hạn niêm phong của cơ quan thuế.

III. THẨM QUYỀN - THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được quy định tại điều 5 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992. Nay hướng dẫn thêm như sau:

a) Cơ quan thuế các cấp là cơ quan có thẩm quyền xử phạt mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế (bao gồm cả cơ quan Hải quan các cấp đối với những vi phạm hành chính đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

Những người được quy định tại các khoản 1, 2, 3, điều 5 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 có quyền áp dụng các hình thức và mức phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trong phạm vi quyền hạn của mình. Nếu thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền của mình thì phải chuyển cho cấp có thẩm quyền giải quyết. Nếu thấy vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành thuế thì thủ trưởng cơ quan thuế chuyển hồ sơ sang cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

b) Đội trưởng các đội thuế xã, phường (liên xã, liên phường) được thành lập theo Thông tư số 64-TC/TCCB ngày 29-10-1992 của Bộ Tài chính cũng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế như trạm trưởng trạm thuế theo quy định tại khoản 1, điều 5 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992.

c) Nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều cơ quan thì cơ quan đầu tiên thụ lý vụ việc sẽ là cơ quan có thẩm quyền xử phạt, trừ trường hợp quy định tại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

khoản 8 điều 5 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 thì các cơ quan đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ cho cơ quan thuế có thẩm quyền giải quyết.

d) Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế của Chi cục trưởng Chi cục thuế đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch biên giới, Bộ Tài chính hướng dẫn thêm như sau:

Ở một số huyện, thị xã biên giới trọng yếu có lưu lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lớn thì Cục trưởng Cục thuế tỉnh có thể ủy quyền cho Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện, thị xã biên giới trên được quyền phạt đến 2 hoặc 3 lần số thuế xuất, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới trốn lậu.

2. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

a) Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân vi phạm lần đầu hoặc vi phạm do nhiều nguyên nhân khách quan hoặc có nhiều tình tiết giảm nhẹ (2 tình tiết trở lên) được quy định tại mục 5 phần I Thông tư này.

Việc quyết định phạt cảnh cáo được thực hiện bằng văn bản, khi xét thấy cần thiết cơ quan có thẩm quyền xử phạt gửi quyết định xử phạt đến chính quyền địa phương nơi người vi phạm cư trú hoặc cơ quan quản lý người vi phạm.

b) Phạt tiền.

- Nếu phạt tiền đến 20.000 đồng thì không phải lập biên bản, không phải ra quyết định xử phạt mà ghi biên lai thu tiền ngay. Biên lai thu tiền phạt phải được giao cho người vi phạm 1 liên.

- Nếu phạt tiền trên 20.000 đồng thì cơ quan (người) có thẩm quyền xử phạt phải lập biên bản vi phạm hành chính (theo mẫu đính kèm). Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản, cơ quan có thẩm quyền xử phạt phải ra quyết định xử phạt (theo mẫu đính kèm).

- Trong trường hợp quyết định xử phạt từ 500.000 đồng trở lên phải gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp 1 bản.

- Quyết định xử phạt phải gửi cho người hoặc tổ chức bị xử phạt chậm nhất trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế phải thi hành ngay quyết định xử phạt kể từ ngày được giao xử phạt.

- Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt không tự giác thi hành thì *thủ trưởng cơ quan thuế đã ra quyết định xử phạt phải áp dụng các biện pháp cưỡng chế sau:*

+ Trích tiền của cá nhân, tổ chức có tại ngân hàng để nộp thuế, nộp phạt.

Cơ quan thuế gửi công văn kèm quyết định xử lý đề nghị ngân hàng trích số tiền của cơ sở có tại ngân hàng để nộp thuế, nộp phạt. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện chế độ ưu tiên trích nộp tiền thuế, tiền phạt vào tài khoản thuế của ngân sách Nhà nước tại kho bạc.

+ Tạm giữ hàng hóa, tang vật để bảo đảm thu đủ tiền thuế, tiền phạt.

Biện pháp này chỉ áp dụng đối với một số trường hợp đặc biệt mà nếu không tạm giữ hàng hóa, tang vật thì không thu được tiền thuế, tiền phạt.

Mọi trường hợp tạm giữ hàng hóa, tang vật phải có quyết định bằng văn bản của thủ trưởng cơ quan thu thuế cấp huyện (hoặc tương đương) trở lên. Khi thực hiện quyết định tạm giữ hàng hóa, tang vật phải lập biên bản nhận tạm giữ hàng hóa (Mẫu CTT30). Trường hợp cần niêm phong thì phải tiến hành ngay trước mặt người chủ hàng hoặc đại diện cơ sở kinh doanh. Hàng hóa, tang vật tạm giữ phải được làm thủ tục giao nhận giữa các cán bộ thuế, người bảo quản phải chịu trách nhiệm nếu có sự đánh tráo, mất mát, hư hỏng.

+ Kê biên tài sản để bán đấu giá.

Trường hợp cần xử lý kê biên tài sản, cơ quan thuế ra quyết định xử phạt phải báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan thu thuế cấp trên. Sau khi được Ủy ban nhân dân cùng cấp ký quyết định, cơ quan thuế phối hợp với lực lượng Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tiến hành việc kê biên tài sản để bán đấu giá theo luật định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Mọi trường hợp vi phạm hành chính áp dụng hình phạt tiền, khi thu tiền phạt cơ quan thu phạt phải sử dụng biên lai thu tiền do Bộ Tài chính phát hành. Tiền phạt thu được phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng chương, loại, khoản, hạng, mục theo quy định của mục lục ngân sách Nhà nước. Chế độ quản lý biên lai thu tiền và nguyên tắc trích thưởng tiền phạt thực thu được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Nhà nước.

c) Tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh.

- Khi quyết định tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh, cơ quan thu thuế lập biên bản vi phạm hành chính ghi rõ lý do vi phạm và yêu cầu đình chỉ ngay hành vi vi phạm.

- Việc tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh chỉ được thực hiện khi có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4, điều 5 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992.

- Quyết định tước quyền sử dụng giấy đăng ký kinh doanh phải được gửi cho người bị xử phạt ngay sau khi thực hiện quyết định xử phạt và phải thông báo cho cơ quan cấp giấy đăng ký kinh doanh biết.

3. Khiếu nại, tố cáo và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trình tự khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, trình tự giải quyết tố cáo hành vi lạm quyền, hoặc trái pháp luật khác của cơ quan thu thuế, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế thực hiện theo quy định tại điều 7 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992.

IV. KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Khen thưởng và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo các điều 39, điều 40 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30-11-1989; Điều 8, điều 9 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 và các văn bản pháp luật quy định chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế của Chính phủ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào những hướng dẫn trong Thông tư này, các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992.

Cần tổ chức quán triệt, phổ biến rộng rãi nội dung cơ bản của các văn bản trên tới các cấp lãnh đạo, các cán bộ làm công tác quản lý, thu nộp thuế, tới các ngành, các cơ sở sản xuất kinh doanh và tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân để triển khai thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 và Thông tư này.

2. Theo điều 15 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26-12-1991, Tổng cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Do đó theo quy định tại khoản 3, điều 20 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trên thì cơ quan Hải quan là cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với những hành vi vi phạm Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Để đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với những vi phạm về thuế xuất, nhập khẩu được thực hiện nghiêm chỉnh, Bộ Tài chính đề nghị Tổng cục Hải quan căn cứ vào các điều 20 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Điều 17 Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992 và Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 cùng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với những vi phạm về thuế xuất, nhập khẩu của cơ quan Hải quan các cấp.

3. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, các địa phương có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính (Tổng cục thuế) để nghiên cứu hướng dẫn giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

PHAN VĂN DĨNH

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

CỤC THUẾ
Chi cục thuế
Số:...../BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm ....., vào lúc..... giờ..... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Chức vụ

thuộc

2.

thuộc

3.

thuộc

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính
Có sự chứng kiến của ông (bà)

Địa chỉ:
Số giấy CMND ngày Nơi cấp

Họ tên người vi phạm (hoặc đại diện tổ chức vi phạm) hành chính

Địa chỉ:

Nội dung vi phạm:

Lời khai của người vi phạm (hoặc đại diện tổ chức vi phạm)

biên bản được lập thành 2 bản, giao cho đương sự 1 bản.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652511

Trong quá trình kiểm tra, tổ kiểm tra không làm hư hỏng, mất tài sản gì của cơ sở.

Biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên.

Người vi phạm (hoặc đại diện tổ chức vi phạm)	Người chứng kiến (nếu có)	Người lập biên bản

---

CỤC THUẾ
Chi cục thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

Cục trưởng Cục thuế
(Chi cục trưởng Chi cục thuế.....)

- Căn cứ Nghị định số 281-HĐBT ngày 7-8-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập hệ thống thu thuế Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 38-TC/TCCB ngày 25-8-1990 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của hệ thống thu thuế Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính.

- Căn cứ Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

- Căn cứ biên bản vi phạm hành chính số ngày của

Xét tính chất, mức độ vi phạm của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Phạt theo điểm khoản điều Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992
Phạt theo điểm khoản điều Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992
Tổng cộng

Đối với ông (bà):

Địa chỉ:

Điều 2. - Ông (bà)..... đại diện có trách nhiệm nộp các khoản ghi ở điều 1 vào ngân sách Nhà nước tại.... trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận quyết định. Nếu không tự giác thực hiện, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo pháp luật hiện hành.

Điều 3. - và ông (bà) có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3
- Lưu

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0963252511

TỔNG CỤC THUẾ

Cục thuế.....

Chi cục thuế.....

Số:...../GB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY BÁO

(Lần thứ.....)

Kính gửi:

Địa chỉ:

Đề nghị ông (bà) nộp ngay tờ khai nộp thuế (báo cáo kế toán.....) cho cơ quan thu thuế.

TỔNG CỤC THUẾ

Cục thuế.....

Chi cục thuế.....

Số: /GB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY BÁO

(Lần thứ.....)

Kính gửi:

Địa chỉ:

Căn cứ vào điểm a, khoản 3, điều 1 Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và điểm h, mục 1.5, phần II Thông tư số..... TC/TCT ngày..... hướng dẫn thực hiện Nghị định số 1-CP ngày 18-10-1992, Cục thuế..... (Chi cục thuế.....) yêu cầu ông (bà)..... nộp ngay tờ khai nộp thuế..... (báo cáo kế toán.....) sau khi nhận được thông báo này.

Trường hợp ông (bà) không thực hiện yêu cầu trên ông (bà) sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09652511